TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **418/**2023/HNGĐ-ST;
Ngày: 21/8/2023.
V/v tranh chấp"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Chiến;

2. Ông Nguyễn Văn Vẹn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thanh N1, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Phan Thành N2, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp TB 2A, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị N1 và bà H có đơn đề nghị vắng mặt, anh N2 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh N1 trình bày:*

Chị và anh Phan Thành N2 tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào ngày 19/12/2019. Anh chị sống hạnh phúc được một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, anh N2 gia trưởng, không chăm lo cho gia đình, cờ bạc. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên đã không còn sống chung từ tháng 08/2022. Nay không còn tình cảm nên chị N1 xin được ly hôn với anh N2.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phan Thành A, sinh ngày 28/01/2020 hiện đang sống với chị N1. Khi ly hôn chị xin được nuôi con, yêu cầu anh N2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Trước đây trong đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh N2 cấp dưỡng từ tháng 8/2022, nay chị thay đổi ý kiến là yêu cầu anh N2 cấp dưỡng nuôi con khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Ân đủ 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Nợ riêng: Trong đơn khởi kiện chị có yêu cầu Phan Thành N2 trả nợ cho mẹ chị là bà H số tiền 128.000.000 đồng. Số tiền này được dùng để đầu tư cây thanh long của gia đình anh N2, nên là nợ riêng của anh N2, không liên quan tới chị. Đây là khoản nợ riêng của bà H, bà H tự quyết định, chị không có tranh chấp.

* Bị đơn anh Phan Thành N2 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày*:

Bà là mẹ ruột của chị Ngô Thị Thanh N1. Trước đây bà có cho anh N2 vay số tiền 128.000.000 đồng để đầu tư thanh long trên đất của gia đình anh N2. Bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, trừ bị đơn không chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của chị Ngô Thị Thanh N1 về việc xin ly hôn và nuôi con chung là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tài sản chung, nợ chung và nợ riêng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh N1 yêu cầu ly hôn với anh Phan Thành N2 nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh N2 cư trú tại ấp TB 2A, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H có đơn đề nghị vắng mặt ngày 06/7/2023, bị đơn anh N2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị N1, bà H và anh N2.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thanh N1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị N1 và anh N2 cưới nhau năm 2019, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N1 xin ly hôn với anh N2 với lý do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, anh N2 gia trưởng, không chăm lo cho gia đình, cờ bạc. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên anh chị không còn sống chung từ tháng 8/2022 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh N2 nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh N2 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N1, cho thấy anh N2 không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa hai người. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N1 và anh N2 đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị N1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị N1 về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Phan Thành A, sinh ngày 28/01/2020 là có cơ sở, bởi lẽ cháu A đang sống với chị N1 đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Phía anh N2 không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N1, quyết định giao cháu A cho chị N1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N1 yêu cầu anh N2 cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh N2 không có văn bản trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con và vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N1 khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ riêng: Chị N1 trình bày anh N2 có vay của mẹ chị là bà Nguyễn Thị H số tiền 128.000.000 đồng. Số tiền này được dùng để đầu tư cây thanh long của gia đình anh N2, nên là nợ riêng của anh N2, không liên quan tới chị. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H trình bày không có yêu cầu và không tranh chấp về khoản nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị N1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh N2 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 22, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thanh N1.

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Thanh N1 được ly hôn với anh Phan Thành N2.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Phan Thành A, sinh ngày 28/01/2020 cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Anh N2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thành A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị N1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N2 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Chị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0025825 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị N1 đã nộp xong.

Anh N2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thủy Uyên